

UBND XÃ ĐẮK KÔI

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG
"TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ĐÔ THỊ VĂN MINH"

(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày tháng năm 2026 của UBND xã Đắk Kôi)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Số lượng	Mức chi	Nhu cầu kinh phí phát sinh năm 2026	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	18		222.000.000	
1	Hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã	1		35.000.000	
a	Địa bàn đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo các Quyết định của cấp có thẩm quyền	1	35.000.000	35.000.000	Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
	Xã Đắk Kôi	1	35.000.000	35.000.000	
2	Hỗ trợ đối với Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động và các Phong trào được phát động ở địa phương	17		187.000.000	
a	Khu dân cư có quy mô dân số dưới 700 hộ dân	17	10.000.000	170.000.000	
	Thôn 1 (Kon Lỗ)	1	10.000.000	10.000.000	
	Thôn 2 (Kon Long)	1	10.000.000	10.000.000	
	Thôn 3 (Kon Bì)	1	10.000.000	10.000.000	
	Thôn 4 (Kon Mong Tu)	1	10.000.000	10.000.000	
	Thôn 5 (Kon Vi Vàng)	1	10.000.000	10.000.000	
	Thôn 6 (Kon Rá)	1	10.000.000	10.000.000	
	Thôn 7 (Kon Lung)	1	10.000.000	10.000.000	
	Thôn 8 (Kon Keng)	1	10.000.000	10.000.000	
	Thôn Kon Đỏ	1	10.000.000	10.000.000	
	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	1	10.000.000	10.000.000	
	Thôn Kon RGỗh	1	10.000.000	10.000.000	
	Thôn Kon Rlong	1	10.000.000	10.000.000	
	Thôn Ngọc Răng - Nhân Liễu	1	10.000.000	10.000.000	
	Thôn Tu Krôi	1	10.000.000	10.000.000	
	Thôn Trắng Nỏ - Kon Blo	1	10.000.000	10.000.000	
	Thôn Tea Reang	1	10.000.000	10.000.000	
	Thôn Tu Rơ Bắg	1	10.000.000	10.000.000	
b	Khu dân cư của các xã thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo các Quyết định của cấp có thẩm quyền	17	+ 1.000.000đồng/năm/khu dân cư	17.000.000	Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
	Thôn 1 (Kon Lỗ)	1	1.000.000	1.000.000	
	Thôn 2 (Kon Long)	1	1.000.000	1.000.000	
	Thôn 3 (Kon Bì)	1	1.000.000	1.000.000	
	Thôn 4 (Kon Mong Tu)	1	1.000.000	1.000.000	
	Thôn 5 (Kon Vi Vàng)	1	1.000.000	1.000.000	
	Thôn 6 (Kon Rá)	1	1.000.000	1.000.000	
	Thôn 7 (Kon Lung)	1	1.000.000	1.000.000	
	Thôn 8 (Kon Keng)	1	1.000.000	1.000.000	
	Thôn Kon Đỏ	1	1.000.000	1.000.000	

STT	Nội dung	Số lượng	Mức chi	Nhu cầu kinh phí phát sinh năm 2026	Ghi chú
	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	1	1.000.000	1.000.000	
	Thôn Kon RGỗh	1	1.000.000	1.000.000	
	Thôn Kon Rlong	1	1.000.000	1.000.000	
	Thôn Ngọc Răng - Nhân Liều	1	1.000.000	1.000.000	
	Thôn Tu Krối	1	1.000.000	1.000.000	
	Thôn Trắng Nó - Kon Blo	1	1.000.000	1.000.000	
	Thôn Tea Reang	1	1.000.000	1.000.000	
	Thôn Tu Rơ Bắg	1	1.000.000	1.000.000	